TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2024 /HNGĐ-ST.
Ngày 19/4/2024
"V/v không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 34/2024/TLST- HNGĐ, ngày 27/02/2024, về việc *"Không công nhận vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 18/3/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hầu Thị N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lầu Văn T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Hầu Thị N trình bày:

Bản thân chị là người dân tộc Mông, theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1991 bố mẹ chị có gả cưới chị cho anh Lầu Văn T, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng nhau tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, anh T còn đánh chị nhiều lần; ngoài ra anh T còn có quan hệ ngoại tình với người khác, nợ nần nhiều, tuy đã được gia đình, chính quyền thôn bản giải thích, hòa giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, hai bên không còn tình cảm với nhau; đến đầu năm 2024 anh T đánh chị bị thương nên chị đã bỏ về nhà con trai ở từ đó cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại phiên toà, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh Lầu Văn T có 04 con chung là cháu: Lầu Văn S, sinh năm 1992; cháu Lầu Thị M, sinh năm 1997; cháu Lầu Thị L, sinh năm 1999 và cháu Lầu Thị H, sinh năm 2003, hiện nay cả 04 cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã lập gia đình riêng nên không đề nghị Toà án giải quyết về việc giao con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị và anh Lầu Văn T không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Lầu Văn T trình bày:

Bản thân anh là người dân tộc Mông, theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1991 chị Hầu Thị N được gả cho anh, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông, hai bên chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai bên chung sống cùng nhau tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau, có lần anh có được đánh (tát) chị N, nguyên nhân dẫn được việc mâu thuẫn là do chị N không nghe lời anh nói, có cách cư xử không đúng mực, không đúng lễ nghi với anh; anh đi làm ăn xa chị N chửi anh nhiều lần; đến đầu năm 2024 chị N tự bỏ về nhà con trai ở từ đó cho đến nay, giữa hai bên không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại phiên toà, anh T xác định giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn muốn được chung sống cùng chị N, nay anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Lầu Văn T xác định anh và chị N có 04 con chung là cháu: Lầu Văn S, sinh năm 1992; cháu Lầu Thị M, sinh năm 1997; cháu Lầu Thị L, sinh năm 1999 và cháu Lầu Thị H, sinh năm 2003, hiện nay cả 04 cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã lập gia đình riêng nên không đề nghị Toà án giải quyết về giao con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Hầu Thị N không có tài sản chung, nợ

chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ: Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T.

+ Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hầu Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; anh Lầu Văn T không phải chịu án phí.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn Q và UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, chị N đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh T không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lầu Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện Y có cơ sở xác định: Chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi, chửi nhau, anh T có được đánh chị N, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị N mà mong muốn tiếp tục được chung sống với chị N, tuy nhiên anh T không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn giữa hai bên, ngoài ra anh T còn có hành vi bạo lực gia đình với chị N, tại phiên toà chị N kiên quyết không muốn chung sống với anh T nữa.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị N, tuyên bố không công nhận chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T cùng xác định, quá trình chung sống có 04 con chung là cháu: Lầu Văn S, sinh năm 1992; cháu Lầu Thị M, sinh năm 1997; cháu Lầu Thị L, sinh năm 1999 và cháu Lầu Thị H, sinh năm 2003, hiện nay cả 04 cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã lập gia đình riêng nên không đề nghị Toà án giải quyết về giao con chung, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T cùng xác định không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị N và anh T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hầu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Lầu Văn T không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Hầu Thị N và anh Lầu Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí:

- Chị Hầu Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001112 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Hầu Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Lầu Văn T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Hùng Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Huệ **Lộc Thị Kim Thơm** **Vũ Mạnh Hồng**